

Số: /QĐ-BVHTTDL

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được thay thế trong lĩnh vực Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 08 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 342/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử và Chánh Văn phòng Bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành, được thay thế trong lĩnh vực Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2026.

Bãi bỏ Quyết định số 145/QĐ-BVHTTDL ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Thủ trưởng các Cục, Vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Thuy2*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Tư pháp;
- UBND các tỉnh, thành phố TW;
- Các Sở VHTT/VHTTDL;
- Trung tâm CDS VHTTDL;
- Lưu: VT, PTTHTTĐT, D.100.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Tạ Quang Đông

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC THAY THẾ TRONG
LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ VĂN HÓA,
THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVHTTDL ngày tháng 02 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG			
1	Thủ tục cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo	Nghị định số 342/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2025 của	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
2	Thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo (cấp Trung ương)	Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
1	Thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo (cấp tỉnh)	Nghị định số 342/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG					
1	1.010839	Thủ tục thông báo thông tin liên hệ của tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới tại Việt Nam	Thủ tục thông báo thông tin liên hệ của tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ quảng cáo trên mạng tại Việt Nam	Nghị định số 342/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

PHẦN II.

NỘI DUNG CỤ THỂ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

1. Thủ tục cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo

a) Trình tự thực hiện

- Cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình có nhu cầu cấp phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo chuẩn bị hồ sơ theo quy định và gửi đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo (Mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Nghị định 342/2025/NĐ-CP) hoặc có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do không cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo.

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan cấp phép có văn bản (bản giấy hoặc điện tử) nêu rõ nội dung, thành phần hồ sơ cần điều chỉnh, bổ sung để cơ quan báo chí đề nghị cấp phép thực hiện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 342/2025/NĐ-CP;

(2) Đề án sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo: Trong đề án này nêu rõ các nội dung chủ yếu của kênh chương trình chuyên quảng cáo: Tôn chỉ, mục đích và mục tiêu sản xuất; tên gọi, biểu tượng (logo); nội dung; độ phân giải hình ảnh (đối với kênh truyền hình); độ phân giải âm thanh (đối với kênh phát thanh); khung chương trình dự kiến trong 01 tháng; đối tượng khán/thính giả; năng lực sản xuất (nhân sự, cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài chính); quy trình tổ chức sản xuất và quản lý nội dung; phương thức kỹ thuật phân phối đến các đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình.

Trường hợp kênh chương trình chuyên quảng cáo là sản phẩm liên kết, Đề án sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo phải cung cấp thêm các thông tin gồm: Địa chỉ, năng lực của đối tác liên kết; hình thức liên kết; quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết.

Đề án sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo của các cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải được cơ quan chủ quản của cơ quan báo chí phê duyệt; của các cơ quan báo chí của trung ương phải được người đứng đầu cơ quan báo chí ký xác nhận và cơ quan chủ quản của cơ quan báo chí phê duyệt.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo hoặc có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do không cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo;

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan cấp phép có văn bản (bản giấy hoặc điện tử) nêu rõ nội dung, thành phần hồ sơ cần điều chỉnh, bổ sung để cơ quan báo chí đề nghị cấp phép thực hiện.

đ) Đối tượng thực hiện: Cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình, có nhu cầu sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

g) Mẫu đơn, tờ khai: Mẫu số 01 - Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo tại Phụ lục kèm theo Nghị định 342/2025/NĐ-CP.

h) Kết quả thực hiện: Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo.

i) Phí, lệ phí: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện:

- Là cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình.

- Đáp ứng các điều kiện về nội dung Đề án sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo theo quy định (Đề án sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo của các cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải được cơ quan chủ quản của cơ quan báo chí phê duyệt; của các cơ quan báo chí của trung ương phải được người đứng đầu cơ quan báo chí ký xác nhận và cơ quan chủ quản của cơ quan báo chí phê duyệt).

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về báo chí và quảng cáo; không vi phạm các hành vi bị cấm theo Luật Quảng cáo và Luật Báo chí.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 75/2025/QH15

- Nghị định số 342/2025/NĐ-CP ngày 26/12/2025 của Chính phủ (quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo).

Mẫu số 01 - Đơn đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, GIẤY PHÉP
SẢN XUẤT KÊNH CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN QUẢNG CÁO**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

1. Tên cơ quan báo chí (viết chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: - Fax:

- Email (nếu có):

- Website (nếu có):

- Giấy phép hoạt động phát thanh/truyền hình số...do...cấp ngày.....
thángnăm.

- Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo (phát thanh/
truyền hình) trong nước sốdo.....cấp lần.....ngày.....tháng.....năm....(áp dụng
trong trường hợp đề nghị cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung).

**2. Đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng
cáo trong nước (ghi rõ phát thanh hoặc truyền hình):**

2.1. Tên kênh chương trình:

2.2. Biểu tượng kênh chương trình:

2.3. Tôn chỉ, mục đích kênh chương trình:

2.4. Ngôn ngữ thể hiện:

2.5. Đối tượng phục vụ:

2.6. Thời gian phát sóng (từ giờ đến giờ):.....

2.7. Thời lượng phát sóng (Số giờ/ ngày):

2.8. Thời lượng chương trình tự sản xuất trung bình trong một ngày:

- Phát lần 1 (phát mới):

- Phát lại:

2.9. Thời lượng chương trình phát lần 1 (phát mới) trong một ngày:

2.10. Cấu tạo khung chương trình cơ bản:

STT	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ngày	Trong 01 tháng
1.						
2.						
3.						
4.						
5.						

2.11. Đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình:

- Độ phân giải hình ảnh kênh chương trình truyền hình: (Đánh dấu ☒ vào ô phù hợp)

SDTV ☐

HDTV ☐

Khác ☐

(Ghi rõ độ phân giải hình ảnh nếu chọn "khác")

- Âm thanh kênh chương trình phát thanh: (Đánh dấu ☒ vào ô phù hợp)

Mono ☐

Stereo ☐

Khác ☐

(Ghi rõ định dạng âm thanh nếu chọn "khác").....

2.12. Đặc điểm nội dung kênh chương trình:

(Tên cơ quan báo chí) bảo đảm nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình theo các định dạng đề xuất tại điểm 2.11 là hoàn toàn giống nhau.

3. Thông tin về đối tác liên kết sản xuất kênh chương trình (áp dụng đối với trường hợp kênh chương trình có hoạt động liên kết):

3.1. Tên đối tác liên kết:

3.2. Địa chỉ đối tác liên kết:.....

- Điện thoại: - Fax:

3.3. Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư của đối tác liên kết:

Ngày cấp: Nơi cấp:

3.4. Người đại diện theo pháp luật của đối tác liên kết:

Họ và tên:.....Sinh ngày:..... Quốc tịch:.....

Số căn cước công dân (hoặc hộ chiếu) số:.....

Ngày cấp: Nơi cấp:

Chức danh:

Địa chỉ liên lạc: Số điện thoại:

Mã số định danh:

3.5. Năng lực của đối tác liên kết để thực hiện hoạt động liên kết:

a) Nguồn lực tài chính:

b) Nhân sự (Nêu cụ thể số lượng người tham gia trực tiếp sản xuất kênh chương trình liên kết gồm quay phim, biên tập, đạo diễn, kỹ thuật):

Đối tác liên kết	Tổng số nhân sự	Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn		Trình độ chính trị			Ngoại ngữ	
				Trên Đại học	Đại học	Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp	Đại học	Chứng chỉ

3.6. Điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật (Trường quay: Diện tích; số lượng máy quay; số lượng phòng dựng, bàn dựng, bàn tròn tiếng...):

3.7. Hình thức liên kết:

3.8. Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết:

4. Địa điểm sản xuất kênh chương trình:

5. Quy trình tổ chức sản xuất và quản lý nội dung kênh chương trình:

6. Địa điểm đặt phòng tổng khống chế cung cấp tín hiệu kênh chương trình hoàn chỉnh cho các đơn vị sử dụng kênh chương trình:

7. Phương thức cung cấp kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Quảng bá ☐

Trả tiền ☐

8. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV ☐

Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh ☐

Dịch vụ truyền hình di động ☐

Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet ☐

Khác ☐

.....(Ghi rõ trong trường hợp thuộc diện "khác").....

9. Kinh phí hoạt động:

- Kinh phí ban đầu:
- Kinh phí hoạt động thường xuyên:
- + Năm 1:
- + Năm 2:

10. Các nội dung khác (nếu có)

11. Người chịu trách nhiệm nội dung kênh chương trình:

11.1. Họ và tên:

11.2. Chức danh (*Tổng biên tập, Phó Tổng biên tập/Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/Giám đốc, Phó Giám đốc*):.....

11.3. Mã số định danh:.....

12. Tài liệu kèm theo:

(1).....

(2).....

13. Cam kết

(Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/truyền hình) xin cam kết:

13.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/tranh chấp (tên cơ quan báo chí) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

13.2. Nếu được cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo trong nước, (tên cơ quan báo chí) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về báo chí và các quy định ghi trong giấy phép được cấp.

Xác nhận của cơ quan chủ quản
(*Đối với các cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc các bộ, ngành*)
(Ký tên, đóng dấu)

Người đứng đầu cơ quan báo chí
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

Mẫu số 02 - Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo
BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-BVHTTDL

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP
SẢN XUẤT KÊNH CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN QUẢNG CÁO

Cấp lần đầu ngày.... tháng..... năm ...

Cấp..... ngày..... tháng..... năm...

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Luật Báo chí; số ... và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí...

Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

Căn cứ Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

Căn cứ Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo (phát thanh/ truyền hình) trong nước số... do.... cấp ngày... tháng....năm.... (áp dụng đối với trường hợp cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung);

Xét đơn kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo trong nước số....do....cấp ngày....tháng.... năm..... và hồ sơ bổ sung số ...ngày... tháng....năm.... của (tên cơ quan báo chí);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử.

CẤP PHÉP CHO:

Tên cơ quan báo chí (viết bằng chữ in hoa)

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:..... - Fax:

- Email (nếu có):

- Website (nếu có):

- Giấy phép hoạt động phát thanh/truyền hình số.... docấp.... ngày.... tháng.... năm

Được sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo trong nước theo các nội dung sau:

1. Quy định về kênh chương trình: (*Phát thanh hoặc Truyền hình*)

1.1. Tên kênh chương trình:

1.2. Biểu tượng kênh chương trình:.....

1.3. Tôn chỉ, mục đích kênh chương trình:

1.4. Ngôn ngữ thể hiện:

1.5. Đối tượng phục vụ:

1.6. Thời gian phát sóng (*từ.....giờ đến.... giờ*):

1.7. Thời lượng phát sóng (*....giờ/ngày*):

1.8. Thời lượng chương trình tự sản xuất trung bình trong một ngày:

- Phát lần 1 (phát mới):

- Phát lại:

1.9. Thời lượng chương trình phát lần 1 (phát mới) trong một ngày:

.....

1.10. Cấu tạo khung chương trình cơ bản:

STT	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ngày	Trong 01 tháng
1.						
2.						
3.						
4.						
5.						
6.						

1.11. Đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình:

- Đối với kênh chương trình truyền hình

Độ phân giải hình ảnh:

- Đối với kênh chương trình phát thanh

Âm thanh:

1.12. Đặc điểm nội dung kênh chương trình:

Nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình (tên kênh chương trình) hoàn toàn giống nhau khi phát sóng theo quy định tại điểm 1.11.

2. Địa điểm sản xuất kênh chương trình:

3. Địa điểm đặt phòng tổng khống chế cung cấp tín hiệu kênh chương trình hoàn chỉnh cho các đơn vị sử dụng kênh chương trình:

.....

4. Phương thức cung cấp kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình:

Phương thức dịch vụ quảng bá/Phương thức dịch vụ trả tiền.

5. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình:

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số/Dịch vụ truyền hình cáp tương tự/Dịch vụ truyền hình cáp kỹ thuật số/Dịch vụ truyền hình cáp IPTV/Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh/Dịch vụ truyền hình di động/Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet.

Khác:

6. Người chịu trách nhiệm nội dung kênh chương trình:

6.1. Họ và tên:

6.2. Chức danh (Tổng biên tập, Phó Tổng biên tập/Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/Giám đốc, Phó Giám đốc):

7. Các quy định khác:

Cơ quan báo chí

8. Hiệu lực của Giấy phép:

- Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày cấp.

- Giấy phép này thay thế cho Giấy phép số.... ngày.... năm... do Bộ cấp (áp dụng đối với trường hợp cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung).

- Cơ quan chủ quản/cơ quan báo chí được cấp phép có trách nhiệm báo cáo định kỳ, đột xuất các hoạt động liên kết sản xuất chương trình trên kênh (nếu có); thực hiện đúng các quy định của pháp luật về báo chí, truyền dẫn, phát sóng, các văn bản pháp luật khác có liên quan và các quy định ghi trong Giấy phép.

Nơi nhận:

- Cơ quan báo chí được cấp phép;
- Cơ quan chủ quản;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Văn phòng Chính phủ;
- UBND, Sở VH-TTDL;
-
- Lưu: VT, Cục PTH&TTĐT.

BỘ TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm cấp phép và từng giấy phép cụ thể.

2. Thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo (cấp Trung ương)

a) Trình tự thực hiện

- Trường hợp thay đổi các nội dung (ngoại trừ thay đổi tôn chỉ, mục đích của kênh chương trình chuyên quảng cáo) ghi trong Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo, Cơ quan báo chí của trung ương gửi 01 bộ hồ sơ thuyết minh nội dung thay đổi đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử).

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo cho cơ quan báo chí của trung ương theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 342/2025/NĐ-CP. Trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản (bản giấy hoặc điện tử) thông báo yêu cầu hoàn thiện hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 342/2025/NĐ-CP.

(2) Bản thuyết minh nội dung thay đổi (nêu rõ nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung và lý do).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện: Cơ quan báo chí của trung ương.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

g) Kết quả thực hiện: Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo (Mẫu số 02 - Phụ lục kèm theo Nghị định 342/2025/NĐ-CP).

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Yêu cầu, điều kiện: Khi thay đổi các nội dung (ngoại trừ thay đổi tôn chỉ, mục đích của kênh chương trình chuyên quảng cáo) ghi trong Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo

k) Căn cứ pháp lý:

- Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 75/2025/QH15.

- Nghị định số 342/2025/NĐ-CP ngày 26/12/2025 của Chính phủ (quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo).

Mẫu số 01 - Đơn đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, GIẤY PHÉP
SẢN XUẤT KÊNH CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN QUẢNG CÁO**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

1. Tên cơ quan báo chí (viết chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: - Fax:

- Email (nếu có):

- Website (nếu có):

- Giấy phép hoạt động *phát thanh/truyền hình* số...do...cấp ngày.....
thángnăm.

- Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo (*phát thanh/ truyền hình*) trong nước sốdo.....cấp lần.....ngày.....tháng.....năm....(áp dụng trong trường hợp đề nghị cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung).

2. Đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo trong nước (ghi rõ phát thanh hoặc truyền hình):

2.1. Tên kênh chương trình:

2.2. Biểu tượng kênh chương trình:

2.3. Tôn chỉ, mục đích kênh chương trình:

2.4. Ngôn ngữ thể hiện:

2.5. Đối tượng phục vụ:

2.6. Thời gian phát sóng (*từ giờ đến giờ*):.....

2.7. Thời lượng phát sóng (*Số giờ/ ngày*):

2.8. Thời lượng chương trình tự sản xuất trung bình trong một ngày:

- Phát lần 1 (phát mới):

- Phát lại:

2.9. Thời lượng chương trình phát lần 1 (phát mới) trong một ngày:

2.10. Cấu tạo khung chương trình cơ bản:

STT	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ngày	Trong 01 tháng
6.						
7.						
8.						
9.						
10.						

2.11. Đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình:

- Độ phân giải hình ảnh kênh chương trình truyền hình: (Đánh dấu ☒ vào ô phù hợp)

SDTV ☐

HDTV ☐

Khác ☐

(Ghi rõ độ phân giải hình ảnh nếu chọn "khác")

- Âm thanh kênh chương trình phát thanh: (Đánh dấu ☒ vào ô phù hợp)

Mono ☐

Stereo ☐

Khác ☐

(Ghi rõ định dạng âm thanh nếu chọn "khác").....

2.12. Đặc điểm nội dung kênh chương trình:

(Tên cơ quan báo chí) bảo đảm nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình theo các định dạng đề xuất tại điểm 2.11 là hoàn toàn giống nhau.

3. Thông tin về đối tác liên kết sản xuất kênh chương trình (áp dụng đối với trường hợp kênh chương trình có hoạt động liên kết):

3.1. Tên đối tác liên kết:

3.2. Địa chỉ đối tác liên kết:.....

- Điện thoại: - Fax:

3.3. Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư của đối tác liên kết:

Ngày cấp: Nơi cấp:

3.4. Người đại diện theo pháp luật của đối tác liên kết:

Họ và tên:.....Sinh ngày:..... Quốc tịch:.....

Số căn cước công dân (hoặc hộ chiếu) số:.....

Ngày cấp: Nơi cấp:

Chức danh:

Địa chỉ liên lạc: Số điện thoại:

Mã số định danh:

3.5. Năng lực của đối tác liên kết để thực hiện hoạt động liên kết:

a) Nguồn lực tài chính:

b) Nhân sự (Nêu cụ thể số lượng người tham gia trực tiếp sản xuất kênh chương trình liên kết gồm quay phim, biên tập, đạo diễn, kỹ thuật):

Đối tác liên kết	Tổng số nhân sự	Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn		Trình độ chính trị			Ngoại ngữ	
				Trên Đại học	Đại học	Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp	Đại học	Chứng chỉ

3.6. Điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật (Trường quay: Diện tích; số lượng máy quay; số lượng phòng dựng, bàn dựng, bàn tròn tiêng...):

3.7. Hình thức liên kết:

3.8. Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết:

4. Địa điểm sản xuất kênh chương trình:

5. Quy trình tổ chức sản xuất và quản lý nội dung kênh chương trình:

6. Địa điểm đặt phòng tổng khống chế cung cấp tín hiệu kênh chương trình hoàn chỉnh cho các đơn vị sử dụng kênh chương trình:

7. Phương thức cung cấp kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Quảng bá ☐

Trả tiền ☐

8. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV ☐

Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh ☐

Dịch vụ truyền hình di động ☐

Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet ☐

Khác ☐

.....(Ghi rõ trong trường hợp thuộc diện "khác").....

9. Kinh phí hoạt động:

- Kinh phí ban đầu:
- Kinh phí hoạt động thường xuyên:
- + Năm 1:
- + Năm 2:

10. Các nội dung khác (nếu có)

11. Người chịu trách nhiệm nội dung kênh chương trình:

11.1. Họ và tên:

11.2. Chức danh (*Tổng biên tập, Phó Tổng biên tập/Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/Giám đốc, Phó Giám đốc*):.....

11.3. Mã số định danh:.....

12. Tài liệu kèm theo:

(1).....

(2).....

13. Cam kết

(Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/truyền hình) xin cam kết:

13.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/tranh chấp (tên cơ quan báo chí) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

13.2. Nếu được cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo trong nước, (tên cơ quan báo chí) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về báo chí và các quy định ghi trong giấy phép được cấp.

Xác nhận của cơ quan chủ quản
(Đối với các cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố
trực thuộc trung ương hoặc các bộ, ngành)
(Ký tên, đóng dấu)

Người đứng đầu cơ quan báo chí
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

Mẫu số 02 - Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-BVHTTDL

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP
SẢN XUẤT KÊNH CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN QUẢNG CÁO
 Cấp..... ngày..... tháng..... năm...

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Luật Báo chí; số và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí...

Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

Căn cứ Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

Căn cứ Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo (phát thanh/ truyền hình) trong nước số... do.... cấp ngày... tháng....năm.... (áp dụng đối với trường hợp cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung);

Xét đơn kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo trong nước số....do....cấp ngày....tháng.... năm..... và hồ sơ bổ sung số ...ngày... tháng....năm.... của (tên cơ quan báo chí);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử.

CẤP PHÉP CHO:

Tên cơ quan báo chí (viết bằng chữ in hoa)

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:..... - Fax:

- Email (nếu có):

- Website (nếu có):

- Giấy phép hoạt động phát thanh/truyền hình số.... docấp.... ngày.... tháng.... năm

Được sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo trong nước theo các nội dung sau:

1. Quy định về kênh chương trình: (*Phát thanh hoặc Truyền hình*)

1.1. Tên kênh chương trình:

1.2. Biểu tượng kênh chương trình:.....

1.3. Tôn chỉ, mục đích kênh chương trình:

1.4. Ngôn ngữ thể hiện:

1.5. Đối tượng phục vụ:

1.6. Thời gian phát sóng (*từ.....giờ đến.... giờ*):

1.7. Thời lượng phát sóng (*....giờ/ngày*):

1.8. Thời lượng chương trình tự sản xuất trung bình trong một ngày:

- Phát lần 1 (phát mới):

- Phát lại:

1.9. Thời lượng chương trình phát lần 1 (phát mới) trong một ngày:

.....

1.10. Cấu tạo khung chương trình cơ bản:

STT	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ngày	Trong 01 tháng
1.						
2.						
3.						
4.						
5.						
6.						

1.11. Đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình:

- Đối với kênh chương trình truyền hình

Độ phân giải hình ảnh:

- Đối với kênh chương trình phát thanh

Âm thanh:

1.12. Đặc điểm nội dung kênh chương trình:

Nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình (tên kênh chương trình) hoàn toàn giống nhau khi phát sóng theo quy định tại điểm 1.11.

2. Địa điểm sản xuất kênh chương trình:

3. Địa điểm đặt phòng tổng khống chế cung cấp tín hiệu kênh chương trình hoàn chỉnh cho các đơn vị sử dụng kênh chương trình:

.....

4. Phương thức cung cấp kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình:

Phương thức dịch vụ quảng bá/Phương thức dịch vụ trả tiền.

5. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình:

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số/Dịch vụ truyền hình cáp tương tự/Dịch vụ truyền hình cáp kỹ thuật số/Dịch vụ truyền hình cáp IPTV/Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh/Dịch vụ truyền hình di động/Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet.

Khác:

6. Người chịu trách nhiệm nội dung kênh chương trình:

6.1. Họ và tên:

6.2. Chức danh (Tổng biên tập, Phó Tổng biên tập/Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/Giám đốc, Phó Giám đốc):

7. Các quy định khác:

Cơ quan báo chí

8. Hiệu lực của Giấy phép:

- Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày cấp.

- Giấy phép này thay thế cho Giấy phép số.... ngày.... năm... do Bộ cấp (áp dụng đối với trường hợp cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung).

- Cơ quan chủ quản/cơ quan báo chí được cấp phép có trách nhiệm báo cáo định kỳ, đột xuất các hoạt động liên kết sản xuất chương trình trên kênh (nếu có); thực hiện đúng các quy định của pháp luật về báo chí, truyền dẫn, phát sóng, các văn bản pháp luật khác có liên quan và các quy định ghi trong Giấy phép.

Nơi nhận:

- Cơ quan báo chí được cấp phép;
- Cơ quan chủ quản;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Văn phòng Chính phủ;
- UBND, Sở VH-TTDL;
-
- Lưu: VT, Cục PTH&TTĐT.

BỘ TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm cấp phép và từng giấy phép cụ thể.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo (cấp tỉnh)

a) Trình tự thực hiện

- Trường hợp thay đổi các nội dung (ngoại trừ thay đổi tôn chỉ, mục đích của kênh chương trình chuyên quảng cáo) ghi trong Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo, Cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nộp 01 bộ hồ sơ về cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính của cơ quan chủ quản.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo cho cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 342/2025/NĐ-CP. Trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản (bản giấy hoặc điện tử) có văn bản (bản giấy hoặc điện tử) thông báo yêu cầu hoàn thiện hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 342/2025/NĐ-CP.

(2) Bản thuyết minh nội dung thay đổi (nêu rõ nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung và lý do).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện: Cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc UBND cấp tỉnh.

g) Mẫu đơn, tờ khai: Mẫu số 01 - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo tại Phụ lục kèm theo Nghị định 342/2025/NĐ-CP.

h) Kết quả thực hiện: Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo (Mẫu số 02 - Phụ lục kèm theo Nghị định 342/2025/NĐ-CP).

i) Phí, lệ phí: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện: Khi thay đổi các nội dung (ngoại trừ thay đổi tôn chỉ, mục đích của kênh chương trình chuyên quảng cáo) ghi trong Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 75/2025/QH15.

- Nghị định số 342/2025/NĐ-CP ngày 26/12/2025 của Chính phủ (quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo).

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, GIẤY PHÉP
SẢN XUẤT KÊNH CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN QUẢNG CÁO**

Kính gửi:

1. Tên cơ quan báo chí (viết chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: - Fax:

- Email (nếu có):

- Website (nếu có):

- Giấy phép hoạt động *phát thanh/truyền hình* số...do...cấp ngày.....
thángnăm.

- Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo (*phát thanh/
truyền hình*) trong nước sốdo.....cấp lần.....ngày.....tháng.....năm....(áp dụng
trong trường hợp đề nghị cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung).

**2. Đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng
cáo trong nước (ghi rõ phát thanh hoặc truyền hình):**

2.1. Tên kênh chương trình:

2.2. Biểu tượng kênh chương trình:

2.3. Tôn chỉ, mục đích kênh chương trình:

2.4. Ngôn ngữ thể hiện:

2.5. Đối tượng phục vụ:

2.6. Thời gian phát sóng (từ giờ đến giờ):.....

2.7. Thời lượng phát sóng (Số giờ/ ngày):

2.8. Thời lượng chương trình tự sản xuất trung bình trong một ngày:

- Phát lần 1 (phát mới):

- Phát lại:

2.9. Thời lượng chương trình phát lần 1 (phát mới) trong một ngày:

2.10. Cấu tạo khung chương trình cơ bản:

STT	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ngày	Trong 01 tháng
11.						
12.						
13.						
14.						
15.						

2.11. Đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình:

- Độ phân giải hình ảnh kênh chương trình truyền hình: (Đánh dấu ☒ vào ô phù hợp)

SDTV ☐

HDTV ☐

Khác ☐

(Ghi rõ độ phân giải hình ảnh nếu chọn "khác")

- Âm thanh kênh chương trình phát thanh: (Đánh dấu ☒ vào ô phù hợp)

Mono ☐

Stereo ☐

Khác ☐

(Ghi rõ định dạng âm thanh nếu chọn "khác").....

2.12. Đặc điểm nội dung kênh chương trình:

(Tên cơ quan báo chí) bảo đảm nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình theo các định dạng đề xuất tại điểm 2.11 là hoàn toàn giống nhau.

3. Thông tin về đối tác liên kết sản xuất kênh chương trình (áp dụng đối với trường hợp kênh chương trình có hoạt động liên kết):

3.1. Tên đối tác liên kết:

3.2. Địa chỉ đối tác liên kết:.....

- Điện thoại: - Fax:

3.3. Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư của đối tác liên kết:

Ngày cấp: Nơi cấp:

3.4. Người đại diện theo pháp luật của đối tác liên kết:

Họ và tên:.....Sinh ngày:..... Quốc tịch:.....

Số căn cước công dân (hoặc hộ chiếu) số:.....

Ngày cấp: Nơi cấp:

Chức danh:

Địa chỉ liên lạc: Số điện thoại:

Mã số định danh:

3.5. Năng lực của đối tác liên kết để thực hiện hoạt động liên kết:

a) Nguồn lực tài chính:

b) Nhân sự (Nêu cụ thể số lượng người tham gia trực tiếp sản xuất kênh chương trình liên kết gồm quay phim, biên tập, đạo diễn, kỹ thuật):

Đối tác liên kết	Tổng số nhân sự	Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn		Trình độ chính trị			Ngoại ngữ	
				Trên Đại học	Đại học	Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp	Đại học	Chứng chỉ

3.6. Điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật (Trường quay: Diện tích; số lượng máy quay; số lượng phòng dựng, bàn dựng, bàn tròn tiếng...):

3.7. Hình thức liên kết:

3.8. Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết:

4. Địa điểm sản xuất kênh chương trình:

5. Quy trình tổ chức sản xuất và quản lý nội dung kênh chương trình:

6. Địa điểm đặt phòng tổng khống chế cung cấp tín hiệu kênh chương trình hoàn chỉnh cho các đơn vị sử dụng kênh chương trình:

7. Phương thức cung cấp kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Quảng bá ☐

Trả tiền ☐

8. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số ☐

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV ☐

Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh ☐

Dịch vụ truyền hình di động ☐

Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet ☐

Khác ☐

.....(Ghi rõ trong trường hợp thuộc diện "khác").....

9. Kinh phí hoạt động:

- Kinh phí ban đầu:

- Kinh phí hoạt động thường xuyên:

+ Năm 1:

+ Năm 2:

10. Các nội dung khác (nếu có)

11. Người chịu trách nhiệm nội dung kênh chương trình:

11.1. Họ và tên:

11.2. Chức danh (*Tổng biên tập, Phó Tổng biên tập/Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/Giám đốc, Phó Giám đốc*):.....

11.3. Mã số định danh:.....

12. Tài liệu kèm theo:

(1).....

(2).....

13. Cam kết

(Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/truyền hình) xin cam kết:

13.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/tranh chấp (tên cơ quan báo chí) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

13.2. Nếu được cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo trong nước, (tên cơ quan báo chí) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về báo chí và các quy định ghi trong giấy phép được cấp.

Xác nhận của cơ quan chủ quản

(Đối với các cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố
trực thuộc trung ương hoặc các bộ, ngành)
(Ký tên, đóng dấu)

Người đứng đầu cơ quan báo chí

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

UBND TỈNH.....
SỞ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-SVHTTDL

....., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP
SẢN XUẤT KÊNH CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN QUẢNG CÁO
Cấp..... ngày..... tháng..... năm...

GIÁM ĐỐC SỞ.....

Căn cứ Luật Báo chí; sốvà Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí...

Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

Căn cứ Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

Căn cứ Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo (phát thanh/ truyền hình) trong nước số... do.... cấp ngày... tháng....năm.... (áp dụng đối với trường hợp cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung);

Xét đơn kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo trong nước số....do....cấp ngày....tháng.... năm..... và hồ sơ bổ sung số ...ngày... tháng....năm.... của (tên cơ quan báo chí);

Theo đề nghị của

CẤP PHÉP CHO:

Tên cơ quan báo chí (viết bằng chữ in hoa)

- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:..... - Fax:
- Email (nếu có):
- Website (nếu có):
- Giấy phép hoạt động phát thanh/truyền hình số.... docấp.... ngày.... tháng.... năm

Được sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo trong nước theo các nội dung sau:

1. Quy định về kênh chương trình: (Phát thanh hoặc Truyền hình)

- 1.1. Tên kênh chương trình:
- 1.2. Biểu tượng kênh chương trình:.....
- 1.3. Tôn chỉ, mục đích kênh chương trình:
- 1.4. Ngôn ngữ thể hiện:
- 1.5. Đối tượng phục vụ:
- 1.6. Thời gian phát sóng (từ.....giờ đến.... giờ):
- 1.7. Thời lượng phát sóng (....giờ/ngày):
- 1.8. Thời lượng chương trình tự sản xuất trung bình trong một ngày:
- Phát lần 1 (phát mới):
- Phát lại:
- 1.9. Thời lượng chương trình phát lần 1 (phát mới) trong một ngày:
-

1.10. Cấu tạo khung chương trình cơ bản:

STT	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ngày	Trong 01 tháng
1.						
2.						
3.						
4.						
5.						
6.						

1.11. Đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình:

- Đối với kênh chương trình truyền hình

Độ phân giải hình ảnh:

- Đối với kênh chương trình phát thanh

Âm thanh:

1.12. Đặc điểm nội dung kênh chương trình:

Nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình (tên kênh chương trình) hoàn toàn giống nhau khi phát sóng theo quy định tại điểm 1.11.

2. Địa điểm sản xuất kênh chương trình:

3. Địa điểm đặt phòng tổng khống chế cung cấp tín hiệu kênh chương trình hoàn chỉnh cho các đơn vị sử dụng kênh chương trình:

.....

4. Phương thức cung cấp kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình:

Phương thức dịch vụ quảng bá/Phương thức dịch vụ trả tiền.

5. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình:

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số/Dịch vụ truyền hình cáp tương tự/Dịch vụ truyền hình cáp kỹ thuật số/Dịch vụ truyền hình cáp IPTV/Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh/Dịch vụ truyền hình di động/Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet.

Khác:

6. Người chịu trách nhiệm nội dung kênh chương trình:

6.1. Họ và tên:

6.2. Chức danh (Tổng biên tập, Phó Tổng biên tập/Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/Giám đốc, Phó Giám đốc):

7. Các quy định khác:

Cơ quan báo chí

8. Hiệu lực của Giấy phép:

- Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày cấp.

- Giấy phép này thay thế cho Giấy phép số.... ngày.... năm... do Bộ cấp (áp dụng đối với trường hợp cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung).

- Cơ quan chủ quản/cơ quan báo chí được cấp phép có trách nhiệm báo cáo định kỳ, đột xuất các hoạt động liên kết sản xuất chương trình trên kênh (nếu có); thực hiện đúng các quy định của pháp luật về báo chí, truyền dẫn, phát sóng, các văn bản pháp luật khác có liên quan và các quy định ghi trong Giấy phép.

Nơi nhận:

- Cơ quan báo chí được cấp phép;
- Cơ quan chủ quản;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ VHTTDL;
- UBND, Sở VHTTDL;
-;
- Lưu: VT, ...

GIÁM ĐỐC

(Ký tên và đóng dấu)

PHẦN III.

NỘI DUNG CỤ THỂ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

1. Thủ tục thông báo thông tin liên hệ của tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ quảng cáo trên mạng tại Việt Nam

a) Trình tự thực hiện

- Trước khi bắt đầu kinh doanh dịch vụ quảng cáo trên mạng tại Việt Nam, các tổ chức, doanh nghiệp (bao gồm các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài) thực hiện thông báo thông tin liên hệ tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

- Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) cấp Giấy xác nhận cho tổ chức, doanh nghiệp.

- Trường hợp thay đổi thông tin liên hệ, tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ quảng cáo trên mạng tại Việt Nam thực hiện lại thủ tục thông báo thông tin liên hệ và gửi về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp, qua bưu điện, qua phương tiện điện tử (email: report_abei@bvhttdl.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. Trường hợp nộp qua Cổng dịch vụ công quốc gia, phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Thông báo thông tin liên hệ của tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ quảng cáo trên mạng tại Việt Nam theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 342/2025/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện: Tổ chức, doanh nghiệp (bao gồm tổ chức, doanh nghiệp trong nước và tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài).

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

g) Mẫu đơn, tờ khai: Thông báo thông tin liên hệ của tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ quảng cáo trên mạng tại Việt Nam theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 342/2025/NĐ-CP.

h) Kết quả thực hiện: Giấy xác nhận Thông báo thông tin liên hệ của tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ quảng cáo trên mạng tại Việt Nam. Giấy

xác nhận này là văn bản xác nhận Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) đã nhận thông tin liên hệ của tổ chức, doanh nghiệp.

i) Phí, lệ phí: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13;
- Luật số 75/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quảng cáo;
- Nghị định số 342/2025/NĐ-CP ngày 26/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo./.

Mẫu số 03 - Thông báo thông tin liên hệ của tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ quảng cáo trên mạng

TÊN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng... năm...

**THÔNG BÁO THÔNG TIN LIÊN HỆ CỦA TỔ CHỨC,
DOANH NGHIỆP KINH DOANH DỊCH VỤ QUẢNG CÁO
TRÊN MẠNG TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Căn cứ Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13; Luật Quảng cáo số 75/2025/QH15 và Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Quảng cáo;

Chúng tôi thông báo thông tin liên hệ của chúng tôi như sau:

1. Thông tin về tổ chức, doanh nghiệp:

- Tên tổ chức, doanh nghiệp:
- Số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Địa chỉ trang thông tin điện tử, ứng dụng giới thiệu hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp:
- Địa chỉ trang thông tin điện tử, ứng dụng kinh doanh dịch vụ quảng cáo:
- Địa điểm đặt hệ thống máy chủ:

(Đối với tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài kinh doanh dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới vào Việt Nam)

- Địa điểm đặt hệ thống máy chủ chính:.....
- Địa điểm đặt hệ thống máy chủ tại Việt Nam:)

2. Thông tin liên hệ:

- Đầu mối liên hệ:.....

(Đối với tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài kinh doanh dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới vào Việt Nam)

- Tên tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đại diện liên hệ với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Địa chỉ tại Việt Nam:)

- Địa chỉ Email:

- Số điện thoại liên hệ:

Chúng tôi xác nhận rằng những thông tin do chúng tôi cung cấp trên đây là chính xác và cam kết chịu trách nhiệm về những thông tin này.

**XÁC NHẬN CỦA CÁ NHÂN/
NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)